

Số: 01/2021/QĐST-LĐST

CB, ngày 05 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án lao động thụ lý số: 01/2021/TLST-LĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn :

1. Ông Nguyễn Văn C

Địa chỉ: Số nhà 052, tổ 4, phường HG, thành phố CB, tỉnh CB.

2. Bà Hoàng Thị M

Địa chỉ: tổ 08, phường NX, thành phố CB, tỉnh CB.

3. Bà Vương Thị H

Địa chỉ: Tổ 5, phường NX, thành phố CB, tỉnh CB.

4. Bà Trần Thị S

Địa chỉ: Tổ 9, phường SH, thành phố CB, tỉnh CB.

5. Ông Triệu Văn T

Địa chỉ: Tổ 10, phường SB, thành phố CB, tỉnh CB.

6. Bà Ma Thị H

Địa chỉ: tổ 9, phường TG, thành phố CB, tỉnh CB.

7. Bà Nông Thị X

Địa chỉ: Tổ 7, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh CB.

8. Ông Mã Lưu Tr

Địa chỉ: Tổ 5, phường DT, thành phố CB, tỉnh CB.

9. Ông Hoàng Trọng X

Địa chỉ: Xóm 4, xã VQ, thành phố CB, tỉnh CB.

10. Ông Bế Thắng Q

Địa chỉ: Số Tổ 9, phường SH, thành phố CB, tỉnh CB.

11. Bà Đoàn Thị H

Địa chỉ: Xóm 3 NP, xã HD, thành phố CB, tỉnh CB.

12. Bà Nông Thị G

Địa chỉ: Xóm 7, VQ, thành phố CB, tỉnh CB.

13. Bà Hoàng Thị X

Địa chỉ: BG, xã NL, huyện HA, tỉnh CB.

14. Bà Long Thị T

Địa chỉ: Tổ 4, phường SB, thành phố CB, tỉnh CB.

15. Ông Ma Ích L

Địa chỉ: Tổ 8, phường SH, thành phố CB, tỉnh CB.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn C

Địa chỉ: Số nhà 052, tổ 4, phường HG, thành phố CB, tỉnh CB.

2. Bà Hoàng Thị M

Địa chỉ: tổ 08, phường NX, thành phố CB, tỉnh CB.

- ***Bị đơn:*** Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng CB

Địa chỉ: Số 040, tổ 08, phường NX, thành phố CB, tỉnh CB.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ **Bảo L** – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Hải Phong

Địa chỉ: Tầng 2, nhà điều hành Bến xe, tổ 10, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh CB

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H **Ng** – Giám đốc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền thanh toán: Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng CB hỗ trợ cho 15 người lao động chuyển sang đơn vị mới với số tiền là 485.374.481 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm tám mươi một đồng) theo danh sách dưới đây:

TT	Họ và tên	Thời gian tham gia công tác	Thời gian được hưởng hỗ trợ		Tiền lương BQ của 6 tháng liền kề	Số tiền chi trả	Hỗ trợ thêm	Tổng cộng chi trả
			Thời gian	Số tháng được hưởng				
1	Đoàn Thị H	T11/2006	T11/2006 đến 31/12/2008	2.5	3,670,100	9,175,250	3,000,000	12,175,250
2	Nông Thị X	T9/2001	T9/2006 đến 31/12/2008	2.5	3,670,100	9,175,250	3,000,000	12,175,250
3	Hoàng Thị X	T6/2007	T6/2007 đến 31/12/2008	2.0	3,670,100	7,340,200	3,000,000	10,340,200
4	Nguyễn Văn C	T12/2006	T12/2006 đến 31/12/2008	2.5	4,073,811	10,184,528	3,000,000	13,184,528
5	Nông Thị G	T6/2007	T6/2007 đến 31/12/2008	2.0	3,670,100	7,340,200	3,000,000	10,340,200
6	Hoàng Trọng X	T1/2010	T1/2010	2.0	3,670,100	7,340,200	3,000,000	10,340,200
7	Long Thị T	T7/1997	T7/1999 đến 31/12/2008	11.5	3,670,100	42,206,150	5,000,000	47,206,150
8	Ma Ích L	T4/2001	T4/2001 đến 31/12/2008	8.0	3,670,100	29,360,800	3,000,000	32,360,800
9	Triệu Văn T	T5/2001	T5/2001 đến 31/12/2008	8.0	3,670,100	29,360,800	3,000,000	32,360,800
10	Mã Lưu Tr	T5/2001	T5/2001 đến 31/12/2008	8.0	3,670,100	29,360,800	3,000,000	32,360,800
11	Ma Thị H	T8/2001	T8/2001 đến 31/12/2008	7.5	3,670,100	27,525,750	3,000,000	30,525,750
12	Bế Thắng Q	T1/2003	T1/2003 đến 31/12/2008	6.0	3,670,100	22,020,600	3,000,000	25,020,600
13	Vương Thị H	T2/1992	T2/1992 đến 31/12/2008	17.0	3,670,100	62,391,700	5,000,000	67,391,700
14	Trần Thị S	T11/1991	T11/1991 đến 31/12/2008	17.5	3,670,100	64,226,750	5,000,000	69,226,750
15	Hoàng Thị M	T9/1990	T9/1990 đến 31/12/2008	18.5	4,073,811	75,365,504	5,000,000	80,365,504
	Tổng					432,374,481	53,000,000	485,374,481

Người lao động cam đoan sẽ rút toàn bộ đơn khiếu nại, đơn tố cáo liên quan đến việc Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng CB chấm dứt hợp đồng lao động mà người lao động đã gửi đến các cơ quan. Ngoài số tiền nêu trên, người lao động cam đoan không khiếu nại hay yêu cầu bồi thường gì thêm

liên quan đến các chế độ quyền lợi của người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động.

- Về thời hạn thanh toán: Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng CB có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho người lao động ngay khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Do Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Hải Phong không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên các bên đương sự thống nhất thỏa thuận Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Hải Phong không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn được miễn toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Bị đơn Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng CB phải chịu số tiền án phí lao động sơ thẩm là 3.426.872,4 đồng (Ba triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi hai phẩy bốn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND TPCB;
- Chi cục THADS TPCB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hoài Phương